



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV # _____

VEWL. # _____

* WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER *
* REGISTRATION FORM *
* (Two Copies) *

I-171: Yes, No

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM HO THI MAI
Last Middle First

Current Address 347 An Duong Vuong, P. 3, Q. 5, Ho Chi Minh City, VIETNAM

Date of Birth 11/10/1943 Place of Birth Ha Tinh, Quang Ngai, VIETNAM

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND/
FATHER)

NGUYEN DINH DUNG

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 6/14/75 To DEATH DATE: 12/31/79

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN HO DINH - HUAN
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

NGUYEN HO DINH HUAN

Son

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 5/4/89

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HO THI MAI
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN HO DINH HUY	08/14/1970	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

VN ngày 10/1/90

Kính thưa Bà

Cháng 9/1988 tôi đã nhờ người mang hồ sơ của tôi nộp ở Tòa Đại sứ Mỹ tại Hải Lan. Tòa Đại sứ chỉ cho tôi số IV là 242430 mà không cấp To whom cho tôi như những người cũng nộp lần, với lý do chống tôi đã chết ngoài trại sau khi về nhà gần 1 tháng (xin xem chứng từ) và bảo tôi phải gửi hồ sơ bên an. Chứng thư chống tôi đã bị đau ốm từ lâu trong trại. Tôi đã gửi sau đó, nhưng cho đến nay tôi chưa hề được trả lời. Vì vậy tôi thân khẩn xin bà Cầu xét hồ sơ của tôi và xin giúp đỡ cho tôi được đoàn tụ với con tôi tại Hoa Kỳ và cũng để cho đứa con trai thứ 2 của tôi hiện bị tể liệt được đi hưởng tiền chuộc tự (xin xem ý Chứng của Ng^h hồ Đinh Thụy)

Kính thưa Bà

Như bà đã rõ trong hồ sơ, chống tôi là Nguyễn Đình Dũng, trước tôi không Quân bị cải tạo tại trại Thanh Cẩm, Cẩm Thủy tỉnh Thanh Hóa đã bị đau từ tháng 3/79 (xin xem ý Chứng) tôi ra thăm mấy lần và đã làm đơn xin Bộ Nội vụ cho chống tôi được ra bên ngoài chuộc tự, tại văn phòng không trả lời lại chống tôi không hề bị đau ốm gì cả, thậm chí họ không cho chuộc tự mỗi khi bị phạm kỷ luật.

Ngày 22/10/79 bên trại chống tôi qua nạng, hai mới cho chuyển chống tôi vào bệnh xá Cẩm Thủy (cách tỉnh Thanh hóa 70 km) khi tôi ra thăm họ cũng không cho tôi được ở lại săn sóc chống tôi tại bệnh xá. Quả thật vọng vì chống tôi sợ chết tôi liều mạng đến sự chủ trương để câu may chống tôi

Có được phép chữa trị ở bệnh viện cao cấp hơn không? Nhưng tôi cũng không vào được - Vào Bị Nội vụ cũng khó khăn như Phủ Thủ tướng nhưng cuối cùng Bị Nội vụ cũng đồng ý vào hai yêu cầu chuyển chồng tôi ra Bệnh viện Bạch Mai Hồ nội, mấy lần tại tư dinh, nhưng chồng tôi đã quá nặng nên 26/11 Trai mới chuyển chồng tôi ra BV Bạch Mai

Ngày 2/12/79 Chính Cục Trưởng Cục Giám sát kỷ luật đình đờ viện Công an quản chế chồng tôi cần tay cùng với tôi vào tại Cẩm Thủy để lấy giấy ra trả cho chồng tôi trước khi quá muộn màng

Ngày 1/1/80 Chồng tôi chết tại thành phố HCM.
Kính thưa Bà.

Tôi xin tóm tắt những điều tiền bệnh tang của chồng tôi, còn những gì xảy ra trong những ngày chồng tôi cải tạo và kể từ tháng 3/79 đến 1/80 chồng tôi đau đớn và khôn khổ đến độ nào và được đối xử ra sao, làm sao tôi nói hết... Lúc đó tôi với 2 đứa con còn nhỏ mà 1 đứa đã tật nguyền, phải lăn lóc để nuôi nấng và chạy chữa cho chồng tôi. Chính tôi còn thấy hãi hùng và không thể tưởng tượng được là tôi có thể trải qua 1 lần như thế, để rồi chồng tôi chết, 1 đứa bỏ rơi ở Mỹ, 1 đứa tật nguyền và tôi ở Việt Nam, chúng tôi còn chịu cảnh sinh ly tử biệt đến bao giờ!! Thế nên xin bà giúp cho tôi được sang định cư tại Hoa Kỳ theo diện Ho mà chính phủ Hoa Kỳ đã dành cho những người công tác...

Thêm vào đó tôi cũng là Nữ Hộ Sĩ Sĩ Quan Gia được phục vụ tại Các Bệnh Viện Huế, Rail g'o, Quảng Ngãi, Nha Trang từ năm 1963 - 1971 - Sau đó 1974 - 1975 tôi là Huân luyện viên trưởng Cơ Viện Dục đường Hôn Chồng Nha Trang thuộc Hội Thánh Tin Lành do Cơ Quan MCC (Mennonite - Committee Center) bảo trợ.

Mười mấy năm quân ngũ trong thời chiến, với tinh thần bất khuất của 1 người tử (gây ra đau) tôi nhờ chồng tôi được hưởng ân huệ mà chính phủ Hoa Kỳ đã dành cho người công tác, và tôi, 1 người phụ Nữ Nguyên Đĩnh Dũng cũng các con xin được thừa kế ân huệ ấy -

Kính xin Bà giúp cho và nhận nỗi đau lòng buồn của gia đình chúng tôi

SỞ Y TẾ
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -- Tự Do -- Hạnh phúc

TRUNG TÂM UNG BƯỚU

Số: 15/1 M.1518 YV

Y CHỨNG

— Bác sĩ Nguyễn chân Hùng
— Chức vụ Trưởng phòng Y vụ
— Chứng nhận NGUYỄN ĐÌNH DÔNG
— Năm sinh 1938 Nghề nghiệp Dân
— Cơ quan _____
— Địa chỉ 347 An Dương Vương, Q.5
— Đã nằm điều trị tại khoa Ung thư BV. Bình Dân
— Từ ngày 15-12-79 Đến ngày 1-1-80
— Hồ sơ bệnh án số 79/1359

— ĐỊNH BỆNH: Ung thư hạch

— ~~SPK~~ - Hạch ở BV. Bạch Mai " U Lymphô ác tính "

— ĐIỀU TRỊ: Nội khoa (BV. Bình Dân)
nâng tổng trạng .

— ĐỀ NGHỊ: 1. Ngủ dưỡng bệnh //

2. Chế độ //

SỞ Y TẾ
DUYỆT NGUYỄN ĐÌNH DÔNG Ngày 6 tháng 10 năm 198 0
GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN CHỦ NHIỆM KHOA
TRƯỞNG PHÒNG Y VỤ
GS. LƯƠNG TÂN TRƯỞNG Bác sĩ
TRUNG TÂM UNG BƯỚU BS. Nguyễn chân Hùng .

CHUNG THIỆT
SAO-Y BÀN-CHÀNH

Ngày 6 tháng 10 năm 1988

TH/CL.L.D. PHÒNG 3



Chị ...

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT8/PS

Xã, thị trấn: _____

Thị xã, quận: 5

Thành phố, tỉnh: HCM

GIẤY CHỨNG TỬ SỐ 1 / P 25
Quyển số 1

Họ và tên	NGUYỄN DINH DUNG
Nam hay nữ	nam
Sinh ngày, tháng, năm	(1935)
Dân tộc	KHMER
Quốc tịch	VIỆT NAM
Nơi ĐKKK thường trú	102 / 1 B Nguyễn Triết
Ngày, tháng, năm chết	1 / 1 / 1980
Nơi chết	TẠI NHÀ
Nguyên nhân chết	UNG THÚ
Họ, tên, tuổi người báo tử NĐKKK thường trú	NGUYỄN THỊ THOẠI DUNG
Số giấy CM, giấy GNCC Quan hệ với người chết	CÔ RIẾT

SAN BÀN D

Ngay

T. UBND



Đăng ký ngày 2 tháng 1 năm 1980

T. UBND 05

(Ký tên đóng dấu)

CHỨNG-THẬT

SÁO-Y ĐẤT-SI-~~CH~~OH

Ngày...*K. tring* 12...*năm* 198*4*

TH/Đ.B.N.D. PHƯỜNG 3

WIK



Chiu

25/12/1984

TRUNG TÂM
PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
Tp. Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Số: 30 /PHCN/YC

Y CHỨNG

Họ tên bệnh nhân: NGUYỄN-HỒ-DÌNH-HUY
Năm sinh: 1970 Số hồ sơ 3206/88
Địa chỉ: 347 An Dương Vương, Quận 5, TP. Hồ-Chí-Minh.
Chẩn đoán: Sốt Bại Liệt - Liệt chân (T), Yếu chân (P) - Letch chậu -
Phương pháp điều trị: - Tập Vật Lý Trị Liệu. Vệ cáct. sống.
- Giảm nẹp (bệnh nhân tự bỏ).
Thời gian điều trị: từ 19.11.1988 cho đến nay. Cần tiếp tục điều trị.

Ngày	22 tháng 8 năm 1989
BS. điều trị	
PHÒNG	
Y HỌC PHỤC HỒI	

ts: Hoàng-Lan

Thành Phố

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Trại

Số GRT

Số HS 00157401802

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;
Thị hành an văn, quyết định của số 622 ngày 01 tháng 12 năm 1979
của Ủy ban An ninh và

Nay cấp giấy ra cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN BÌNH DUNG

Họ, tên thường gọi Nguyễn Bình Dung

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 01 tháng 3 năm 1938

Nơi sinh Nam Bộ phường - Thị xã Quảng Ngãi

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ
102-18 Nguyễn Trãi Thành Phố Hồ Chí Minh

Cao độ Thiếu tá Sĩ quan an phi

Bị bắt ngày 14.6.75 Áp phạt TTCT

Theo quyết định, an văn số 622 ngày 01 tháng 12 năm 1979 của Ủy ban An ninh và

Đã bị tước quyền

Đã được giảm an 102-18 Nguyễn Trãi Quận 3 - TP Hồ Chí Minh

Nay và cơ quan

Tư tưởng chưa nhận rõ tội lỗi. Nếu trong cải tạo chưa thuộc sự am tường.
Lao động thiếu tích cực. Từ ngày bị bệnh không tham gia lao động.
Học tập không chịu tiếp thu cải tạo.
Nội quy nhiều lần vi phạm kỷ luật.

Lưu tay ngón trở phải

Của Dũng

Danh bìn 7739

Lưu tay ngón trở phải Quân pháp

Họ, tên người được cấp giấy

Ngày 03 tháng 12 năm 1979

Giám thị

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN BẠCH MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT BỆNH AN CHUYỂN VIỆN

Họ và tên : Nguyễn đình Dũng 41 tuổi
Nghề nghiệp : Nhân dân (XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX)
Địa chỉ gia đình : 102-1B Phố Nguyễn Trãi - Quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh.
Vào viện ngày 20-11-1979 lúc 7^h
Lý do vào viện : Bệnh viêm Cầm thủy Thanh hóa chuyển đến
với chẩn đoán : nghi K hạch (BS.Lê-Sơn).

Bệnh sử : Từ tháng 3-1979 thấy nổi hạch ở cổ bên trái.
Sau đó là nổi hạch ở nách và bên trái. Đau nhức chỗ nổi hạch nhất là
vùng bên trái đồng thời người có cảm giác rất mệt, không làm được
việc nặng, ăn uống kém - Sau 1/2 tháng người gầy sút nhiều. Trong
thời gian này bệnh nhân thường bị sốt nhẹ, sốt liên tục 3-4 ngày
rồi bớt, sau đó lại sốt lại. Ở đơn vị đã được điều trị bằng Strepto-
tomycline và Penicilline liều cao. Số lượng hạch vẫn ngày một xuất
hiện nhiều hơn ở cả 2 bên cổ, ở bẹn, nách và bên, được chuyển đến
bệnh viện huyện Cầm thủy ngày 22-10-1979 và cũng được điều trị như
1 lao hạch trong 1 tháng. Bệnh nhân được hội chẩn lại và nghi đến
ung thư hạch được chuyển đến BV.Bạch mai (19-XI)

Thăm khám bệnh nhân lúc vào phòng C5 khoa Nội BV.Bạch mai
(sáng 20-XI-1979).

B/n không sốt nhưng vẻ mệt nhiều. Người gầy da bọc xương
ở cổ có nhiều hạch to nhỏ không đều, mặt đỏ rần, di động dễ, không
đau, d: hạch to nhất 4-5cm, nhỏ nhất 1cm. Ở bẹn cũng có nhiều hạch
như vậy nhất là bên trái có 1 hạch khá to d = 5cm, chen ép gây phù
chân trái.

Ở bẹn có nhiều hạch to nhỏ không đều, tính chất cũng như
các hạch ở cổ, bẹn. Vùng thượng vị, chéch và bên trái có 1 đám hạch
đình vào nhau thành 1 mảng, mặt đỏ rần, di động khó khăn.

Gan lách khó xác định vì các mảng hạch lấn vào.

Tim nhịp đều, tiếng tim bình thường. HA = 140/100 mmHg

Phổi có hội chứng 3 giảm ở vùng đáy cả bên, nhiều hơn bên
trái.

Không xuất huyết dưới da và niêm mạc

Bệnh nhân được chẩn đoán : K hạch

Kết quả xét nghiệm :

CTM : HC = 3020.000

BC = 13.000 N. 82 E1, M 1 và L 16

CHỨNG THUẬT

SAC-Y BAN CHẨN ĐOÁN

Ngày 10 tháng 10 năm 1979

Thị trấn Thủ Đức



MC = 4' 30" , MD : 7'

Tốc độ lắng máu 50 - 62

Ure máu : lần I (21/1/79) : 148 mg%

lần II (27/11/79) : 160 mg%

Đường máu : 135 mg%

Ty lỷ B₂microglobulin 44%

Mức tiểu lần I (21-11-79)

Trụ hạt ++

Bạch cầu +++

Protein 0,66g/l

Đường không có

lần II (01-12-79)

Bạch cầu ++

còn lại tất cả đều âm tính.

Phản ứng Mantoux (-)

Mạch đỏ : U lympho ác tính. Cần sinh thiết để xác
chẩn loại K (B/n chưa được sinh thiết hạch).

Ngày 24/11/1979 giáo sư Đặng Văn Chung xem b/n cũng nghi đến K hạch

B/n được điều trị từ 20-11-1979 đến 6-12-1979 :

- Truyền máu
- Prednisolon 5mg x 12^v/ngày
- Vit các loại.

Theo dõi diễn biến thấy b/n có cảm giác đỡ chịu hơn, đã ăn
được chút ít. Số lượng hạch như cũ, thể tích cổ nhỏ đi chút ít và
có cảm giác bớt rần hơn. Chân trái vẫn còn phù do hạch chèn ép.

Theo nguyện vọng của gia đình, chúng tôi chuyển bệnh nhân
về bệnh viện thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều trị.



Thông qua
phó chủ nhiệm khoa

BS. Phạm-Khuê

Ngày 6 tháng 12 năm 1979
Trưởng phòng điều trị

BS. Đào-văn-Chinh

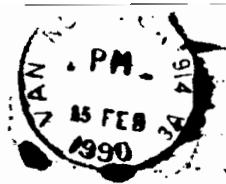
FROM: H.S. TH. Mai
347. An Duong Kung
#305 HCM City



Kunat
TO Mrs. K.T. Minh Tho

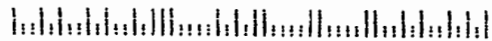
Nho An Duong chuyen gap, can on
PAR AVION VIA AIR MAIL

From HO THI MAI
c/o Dung T. Nguyen



FEB 20 1990

Kinh gui Ba KHUAT MINH THO
Hoi Gia Dinh Tu Nhan Chinh Tri VN
P.O. Box 5435, ARLINGTON
VA.22205-0635





HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV # _____

VEWL.# _____

I-171: Yes, No

* WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER *
* REGISTRATION FORM *
* (Two Copies) *

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM Ho THI MAI
Last Middle First

Current Address 347 An Duong Vuong, P.3, Q.5, Ho Chi Minh City, VIETNAM

Date of Birth 11/10/1943 Place of Birth Ha Tinh, Quang Ngai, VIETNAM

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND/FATHER)

NGUYEN DINH DUNG

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 6/14/75 To DEATH DATE: 12/31/79

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN HO DINH HUAN
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

NGUYEN HO DINH HUAN, 15227 Leadwell St, Son
Van Nuys, CA 91405

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 5/4/89

4

HL

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT8/P3

Xã, thị trấn: _____

Thị xã, quận: 5Thành phố, tỉnh: HCM

GIẤY CHỨNG TỬ

Số 1 / P 23Quyển số 1

Họ và tên	NGUYỄN DINH DUNG
Nam hay nữ	nam
Sinh ngày, tháng, năm	(1938)
Dân tộc	KINH
Quốc tịch	VIỆT NAM
Nơi ĐKNK thường trú	102 / 1 B Nguyễn Tri
Ngày, tháng, năm chết	1 / 1 / 1980
Nơi chết	TẠI NHÀ
Nguyên nhân chết	UNG THỦ
Họ, tên, tuổi người báo tử	NGUYỄN THỊ THOẠI DUNG
NĐKNK thường trú	
Số giấy CM, giấy CNCC	
Quan hệ với người chết	CÔ RUỘT

SỞ Y TẾ

Ngày tháng _____

T. UBND / Q.

Đăng ký ngày 2 tháng 1 năm 1980TM/UBND 05

(Ký tên đóng dấu)



Dương Văn Bình

Phân bổ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Trại

Số GRT

Số HSL

00157401802

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thị hành án văn, quyết định của số 622 ngày 01 tháng 12 năm 1979

của

Nay cấp giấy tha cho anh, chỉ có lên sau đây:

Họ, tên khai sinh

NGUYỄN ĐÌNH DUNG

Họ, tên thường gọi

Nguyễn Đình Dung

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 01 tháng 3 năm 1958

Nơi sinh

Nam bộ phường - Thị xã Quảng Ngãi

Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt

102-IB Nguyễn Trãi Thành Phố Hồ Chí Minh

Can tội

Thiếu tá Sĩ quan an phí

Bị bắt ngày

14.6.75

An phạt

TTCT

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Bộ Nội vụ

Đã bị tăng án

lần, cộng thành

năm

Đã được giảm án

lần, cộng thành

tháng

Nay về cư trú tại

102-IB Nguyễn Trãi Quận 5 - TP Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng chưa nhận rõ tội lỗi. Chưa trung cải tạo chưa thực sự ăn tâm.

Lao động Thiếu tích cực. Từ ngày bị bệnh không tham gia lao động.

Học tập không chịu tiếp thu cải tạo.

Nội quy nhiều lần vi phạm kỷ luật.

Lên tay ngôn trở phải

Của

Dũng

Danh bân số

7739

Lớp tại

Quản pháp

Họ, tên chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 03 tháng 12 năm 1979

Giám thị



TỈNH QUẢNG-NGÃI
QUẬN THỊ-YÃ QUẢNG-NGÃI
XÃ CẨM-THÀNH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TRÍCH - LỤC

CHỨNG THƯ HÔN - THÚ

Số hiệu: 05

Tên họ người chồng NGUYỄN ĐÌNH DŨNG

Nghề-nghiệp Sĩ quan Không Quân

Sinh ngày 01 tháng 3 năm 1938

Tại Nam-Lộ, Xã Cẩm-Thành, Tỉnh Quảng-Ngãi

Cư sở tại -nt-

Tạm trú tại -nt-

Tên họ cha chồng sống chết phải nói Nguyễn Đình Ba (sống)

Tên họ mẹ chồng (sống chết phải nói) Nguyễn Thị Huỳnh (sống)

Tên họ người vợ HO THỊ MẠI

Nghề-nghiệp Nữ Hộ Sinh Quốc-Gia

Sinh ngày 10 tháng 11 năm 1943

Tại Hà-Tĩnh

Cư trú tại Nam-Lộ, Xã Cẩm-Thành, Thị-Xã Quảng-Ngãi

Tạm trú tại -nt-

Tên họ cha vợ (sống chết phải nói) Hồ Hữu Hậu (chết)

Tên họ mẹ vợ (sống chết phải nói) Nguyễn Thị Tâm (chết)

Ngày cưới HAI MƯƠI tháng MỘT năm MỘT NGÀN CHÍN TRĂM

SÁU MƯƠI BẢY (20.01.1967)

Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế /

Ngày / tháng / năm /

Cẩm-Thành ngày 20. tháng 01 năm 1967

VỢ

HỌ LẠI

CHỒNG

Ký: Hồ Thị Mại

Ký: Bùi Văn Huệ (đầu)

Ký: Nguyễn Đình Dũng

Chợ-mợ
hay giám-hộ

Cha mẹ chồng
(hay giám-hộ)

Nhân chứng

Ký: Hồ Thị Ngộ

Ký: Nguyễn Đình Ba

Ký: Thái Đức Hoàn
Ký: Nguyễn Đức Hội

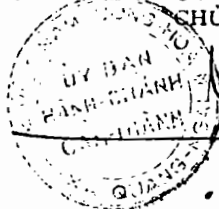
PHUNG TRÍCH LỤC
Cẩm-Thành ngày 20 tháng 1 năm 1967

CHỦ-TỊCH

CHỦ TỊCH
UBND

ngày 20 tháng 1 năm 1967

TUN, 114-165
SỞ-SU HÀNH CHÁNH



BỘ TƯ - PHÁP
SỞ TƯ PHÁP
TRUNG PHẦN



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Chứng - thư - thế - vì - khai - sinh

Tòa Sở thẩm Huê
Số 3150

Ngày 28.6.1962

Của HỒ - THỊ - MẠI

Năm một ngàn chín trăm Sau mươi hai ngày 28
tháng 6 năm 19 giờ ...

Trước mặt chúng tôi là Ngô - Bút

Chánh án Tòa Sở thẩm Huê ngồi tại văn phòng có Ông Trần - Kiêm - Mai
Lục sự giúp việc

CÓ ĐẾN TRÌNH DIỆN

Ông Hồ - Thị - Ngô (ngời đứng x n) 32 tuổi
nghề nghiệp Hội - trợ trú tại 40 Đường Lam - Sơn, Huê
căn cước số 006084
cấp tại Quận Tư - Nghĩa ngày 24.4.62

Và các nhân chứng của đương sự là:

1. Ông Trần - Nghi - Phúc 34 tuổi
nghề nghiệp Công chức trú tại 40 Đường Lam - Sơn, Huê
căn cước số 002659
cấp tại Quận Tư - Nghĩa ngày 25.4.62

2. Ông Hồ - Văn - Tráo 50 tuổi
nghề nghiệp Lao công trú tại 40 Đường Lam - Sơn, Huê
căn cước số 03425
cấp tại Quận Hương - Thủy ngày 19.3.62

3. Ông Lê - Thị - Cục 50 tuổi
nghề nghiệp Hội - trợ trú tại 40 Lam Sơn, Huê
căn cước số 020475
cấp tại Quận Hương - Thủy ngày 19.3.62

Sau khi đã nghe đọc các điều lệ hiện hành, về tội man khai hộ tịch đối với người đứng xin, về tội nguy chứng dối với các nhân chứng những người sau này, đã tuyên thệ và xác nhận lời khai của người đứng xin rằng

HỒ - THỊ - MẠI con Gái (trai hay gái)

Quốc tịch Việt - Nam
sinh ngày Mười (10) tháng Mười một (11)
năm Một ngàn chín trăm bốn mươi ba (1943)
tại làng 99, Quận 99, Tỉnh Hà - Tĩnh
và con của Ông Hồ - Hữu - Hậu
và Bà Nguyễn - Thị - Tâm Vợ chánh

Người đứng xin khai thêm rằng hiện không thể xin sao lục khai sinh của HỒ-THỊ-MAI được vì lý do tịch nội sinh quán của y vì biên cố chiến tranh, ngoài kia Vỹ-tuyên.

Bởi vậy chúng tôi căn cứ theo lời khai trên và chiếu các điều 47 - 48 H. V. HỘ - LUẬT, lập chứng thư thế vì khai sinh này cấp cho đương gia để tùy nghi sử dụng.

Những nhân chứng và người đứng xin có ký tên với chúng tôi và ông Lục - Sự sau khi đọc lại.

LỤC - SỰ.

CHÁNH - AN.

Trần-Kiên-Mai

Ngô-Bút

NHÂN CHỨNG

NGƯỜI ĐỨNG XIN

1. Trà Ngụ Phúc

HỒ-Thị-Ngô

2. HỒ-Văn-Thảo

3. Lê-Thị-Cúc

Trước bạ tại Thị

Ngày 28 tháng 6 năm 1962

Quyển 11 tờ 11 số 11

Thầu Miền-tấn

TY **CHƯƠNG THẬT**

SAO-Y BAN-CHÁNH

Huế ngày 13 tháng 8 năm 1988

SAO-Y CHÁNH-BÀN

CHÁNH LƯC-SỰ

TRƯỞNG PHƯƠNG 3

PHƯƠNG 3



Lệ phí bản Sao 15 #

 THỦ TƯỚNG QUÂN			
Ngày 26 tháng 03 năm 1970 Sau dấu mặt phải		NGÓN TRỎ PHẢI	
0,8cm x 2,5cm không dấu mặt phải		NGÓN TRỎ TRÁI	
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH		NGÓN TRỎ TRÁI	
Phát		Đến lúc: Kinh	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020838601**

Họ tên: **HỒ THỊ MAI**

Sinh ngày: **10-11-1943**

Nguyên quán: **Phước Vang, Bình Trị Thiên.**

Nơi thường trú: **102/1B Nguyễn Trãi, TP. Hồ Chí Minh.**



CHỨNG THẬT
SAO-Y BÀN-CHÀNH

Ngày 3 tháng 08 năm 1988

TM/U.B.N.D. PHƯƠNG 3

FOT



Phước

Nguyễn Văn Phước

Số hiệu: 3113

KHAI - SANH



TÊN HỌ ẤU-NHI Nguyễn-Hồ-Đình-Huy
Phái Nam
Sinh Ngày mười bốn, tháng tám, năm một ngàn chín trăm
(Ngày, tháng, năm) bảy mươi (14-08-1970)
Tại Trung-tâm Y-tế Toàn-khoa Nha-trang
Cha Nguyễn-Đình-Dũng
(Tên, họ)
Tuổi sinh năm một ngàn chín trăm ba mươi tám (1938)
Nghề-nghiep Quân-nhân
Cư-trú tại KBC. 3.126
Mẹ Hồ-Thị-Mai
(Tên, họ)
Tuổi sinh năm một ngàn chín trăm bốn mươi ba (1943)
Nghề-nghiep Nữ Hộ-sinh Quốc-Gia
Cư-trú tại Cư-xá Sĩ-quân Không-Quân Nha-trang
Vợ chánh hay thứ vợ chánh
Người khai Đỗ-Hiếu
(Tên, họ)
Tuổi sinh năm một ngàn chín trăm hai mươi (1920)
Nghề-nghiep Tổng Giám-thị Bệnh-viện Nha-trang
Cư-trú tại 84-B, Nguyễn-Trái Nha-trang
Ngày khai Ngày mười một, tháng chín, năm một ngàn chín
trăm bảy mươi (11-09-1970)
Người chứng thứ nhất /
(Tên, họ)
Tuổi
Nghề-nghiep
Cư-trú tại
Người chứng thứ nhì /
(Tên, họ)
Tuổi
Nghề-nghiep
Cư-trú tại

MIỄN LỆ PHÍ

Làm tại Xã Nha-trang-Đông, ngày 11 tháng 09 năm 1970

NGƯỜI KHAI,

T.M. Ủy-Ban Hộ-Tịch-Chánh
XÃ-NHATRANG-ĐÔNG

NHÂN-CHỨNG,

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: September 8th 1970

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : HO THI NAI Sex: female
Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : NONE
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : NOVEMBER 10, 1943 HATINH VIETNAM
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 347 AN DƯƠNG VƯƠNG F3 Q5
HO CHI MINH CITY VIETNAM
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 347 AN DƯƠNG VƯƠNG F3 Q5
HO CHI MINH CITY VIETNAM
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : UNEMPLOYED

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>NGUYEN HO DINH HUY</u>	<u>AUG 11th 1970</u>	<u>NHATRANG VN</u>			<u>male Single-Son</u>
2.					
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng:
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	: <u>NGUYỄN HỒ BÌNH HUÂN</u>	: <u>NGUYỄN BÌNH THỊ NGUYỄN</u>
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	: <u>SON</u>	: <u>BROTHER</u>
c. Address Địa-chỉ	: <u>15227 LEADWELL ST</u> <u>LAN-NLVS CA 91405</u>	
d. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	: <u>DECEMBER 19th 1985</u>	: <u>1985</u>
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	:	:
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	:
c. Address Địa-chỉ	:	:

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

- Father
Cha : HO HUU HAT (DEAD)
- Mother
Mẹ : NGUYỄN THỊ TAM (DEAD)
- Spouse
Vợ/Chồng : NGUYỄN BÌNH DƯƠNG (DEAD)
- Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):
- Children
Con cái:
 - (1) NGUYỄN HỒ BÌNH HUÂN (Living)
 - (2) NGUYỄN HỒ BÌNH HUY (")
 - (3) _____
 - (4) _____
 - (5) _____
 - (6) _____
 - (7) _____
 - (8) _____
 - (9) _____
- Siblings
Anh chị em:
 - (1) HO THỊ NHƯ HỒNG (female) (Living)
 - (2) HO THỊ NGUYỄN (") (")
 - (3) HO THỊ VY (") (")
 - (4) HO SỸ HỒNG (") (")
 - (5) HO THỊ CAM (") (")
 - (6) _____
 - (7) _____
 - (8) _____

6. Reason for Separation : APRIL 30th 1975
 Lý do nghỉ việc :
 7. Names of American Advisor(s):
 Họ tên cố-vấn Mỹ :
 8. U.S. Training Courses in Vietnam:
 Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
 tại Viet-Nam :
 9. U.S. Awards or Certificates
 Name of award: Date received:
 Phần-thưởng hoặc giấy khen: Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
 Available? Yes ☐ No ☐)

(CHU-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
 Đồng-sự có không? Có ☐ Không ☐)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
 ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
 Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: NGUYỄN ĐÌNH DUNG
 2. School and School Address :
 Trường và địa-chỉ nhà trường : OKINAWA - JAPAN
 3. Dates: From To
 Ngày, tháng, năm Từ: 1970 Đến: 1970
 4. Description of Courses :
 Mô-tả ngành học : FLIGHT - SAFETY
 5. Who paid for training? :
 Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : MAAG

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐)
 (CHU-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
 Họ tên người đi học-tập cải-tạo : NGUYỄN ĐÌNH DUNG
 2. Time in Reeducation: From: To:
 Thời gian học-tập Từ: JUNE 16th 75 Đến: DEAD (IN 1980)
 3. Still in Reeducation?* Yes No
 Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có ☐ Không ☒

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên :

Date

Ngày:

September 8th 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

2 Birth certificates
1 Marriage certificate

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : HO THỊ MAI

Position title
Chức-vụ : NURSERY - TRAINER

Agency/Company/Office
Số/Hàng/Văn-Phòng : DIENONITE - COMMITTEE - CENTER

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ MAY 1974 Đến APRIL 1975

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: MR - MAX

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : APRIL 30th 1975

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Số/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Số/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYEN DINH DUNG

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 1962 Đến APRIL 30th 1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : MAJOR Serial Number: 58/600576

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đoàn-Vị Binh-Chung : 62nd AIR TACTICAL 1st AIR DIVISION VNAF

5. Name of Supervisor/C.O.
Tên người giám-thị/C.O.: _____

Ghi chú:

- Học tập cải tạo từ 6/14/75 - 12/03/79: 4 1/2 năm
- Chết tại nhà: sau 1 tháng được thả

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT8/P3

Xã, thị trấn: _____

Thị xã, quận: 2Thành phố, tỉnh: HCM

GIẤY CHỨNG TỬ

Số 1 / P 23Quyển số 1

Họ và tên	NGUYỄN DINH DUNG
Nam hay nữ	Nam
Sinh ngày, tháng, năm	(1938)
Dân tộc	KINH
Quốc tịch	VIỆT NAM
Nơi ĐKNK thường trú	102 / 1 B Nguyễn tri
Ngày, tháng, năm chết	1 / 1 / 1980
Nơi chết	TẠI NHÀ
Nguyên nhân chết	UNG THỦ
Họ, tên, tuổi người báo tử	NGUYỄN THỊ THOẠI DUNG
NĐKNK thường trú	
Số giấy CM, giấy CNCC	
Quan hệ với người chết	CÔ RUỘT

SỞ Y BAN CH

Ngày tháng

T. UBND/Q

Đăng ký ngày 2 tháng 1 năm 1980TM/UBND 05

(Ký tên đóng dấu)



Dương Văn Bình

CHỨNG THẬT

SAO-Y BAN-CHANH

Ngày 03 tháng 08 năm 1988

TM/U.B.N.Đ. PHƯỜNG 3 105.



PHƯỜNG 3-08
PHẠCH TỊCH

Nguyễn Trọng Thiệu

Thành phố

Trại

Số GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTC, ban hành theo công văn số 2363 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Số HSL

0 0 1 5 7 8 0 1 8 0 2

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;
Thị trấn An Văn, quyết định của Bộ ngày 01 tháng 12 năm 1979
của

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN ĐÌNH DUNG

Họ, tên thường gọi Nguyễn Đình Dung

Họ, tên bí danh 01 3 1958

Sinh ngày 01 tháng 3 năm 1958

Nơi sinh Nam bộ phường - Thị xã Quảng Ngãi

Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt

102-IB Nguyễn Trãi Thành Phố Hồ Chí Minh

Can tội Thiếu tá Sĩ quan an ninh

Bị bắt ngày 14.6.75 Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Bộ Nội vụ

Đã bị tước án lần, cộng thành năm

Đã được giảm án lần, cộng thành tháng

Nay về cư trú tại 102-IB Nguyễn Trãi Quận 5 - TP Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng chưa nhận rõ tội lỗi. Chưa trung cải tạo chưa thực sự ăn tâm.

Lao động Thiếu tích cực. Từ ngày bị bệnh không tham gia lao động.

Học tập không chịu tiếp thu cải tạo.

Nội quy nhiều lần vi phạm kỷ luật.

Lần tay ngôn trở phải

Của Đặng 7739

Danh bân số Quận pháp

Lớp 10/

Họ, tên chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 03 tháng 12 năm 1979

Giám thị



CHỨNG-THẬT

SAC-Y BAN-CHANH

Ngày 2 tháng 8 năm 1981

TM/U.B.N.D. PHƯỜNG 3

FOR



Nguyễn Trọng Phúc

TỈNH QUẢNG-NGÃI
QUẬN THỊ-VÃ QUẢNG-NGÃI
XÃ CẨM-THÀNH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TRÍCH - LỤC

CHỨNG THƯ HÔN-THÚ

Số hiệu: 05

Tên họ người chồng NGUYỄN BÌNH DŨNG

Nghề-nghiep Sĩ quan Không Quân

Sinh ngày 01 tháng 3 năm 1938

Tại Nam-Lộ, Xã Cẩm-Thành, Tỉnh Quảng-Ngãi

Cư sở tại -nt-

Tạm trú tại -nt-

Tên họ cha chồng sống chết phải nói Nguyễn Bình Ba (sống)

Tên họ mẹ chồng (sống chết phải nói) Nguyễn Thị Huỳnh (sống)

Tên họ người vợ HO THỊ MAI

Nghề-nghiep Nữ Hộ Sinh Quốc-Gia

Sinh ngày 10 tháng 11 năm 1943

Tại Hà-Tĩnh

Cư trú tại Nam-Lộ, Xã Cẩm-Thành, Thị-Xã Quảng-Ngãi

Tạm trú tại -nt-

Tên họ cha vợ (sống chết phải nói) Hồ Hữu Hậu (chết)

Tên họ mẹ vợ (sống chết phải nói) Nguyễn Thị Tâm (chết)

Ngày cưới HAI MƯƠI tháng MỘT năm MỘT THÁI NGUYÊN

SÁU LƯƠI BẢY (20.01.1967)

Vợ chồng khai có hay không lập hôn lễ /

Ngày / tháng / năm /

Cẩm-Thành ngày 20 tháng 01 năm 1967

VỢ

HỌ LẠI

CHỒNG

Ký: Hồ Thị Mai

Ký: Bùi Văn Huệ (dấu)

Ký: Nguyễn Bình Dũng

Cha mẹ vợ
(hay giám-hộ)

Cha mẹ chồng
(hay giám-hộ)

Nhân chứng

Ký: Hồ Thị Mai

Ký: Nguyễn Bình Ba

Ký: Thái Đức Hoàn
Ký: Nguyễn Đức Hội

PHUNG TRÍCH LỤC

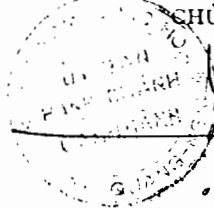
Cẩm-Thành ngày 18 tháng 2 năm 1967

CHỦ-TỊCH

Quang nhân chủ tịch có CHỦ TỊCH
UBND

Quang nhân chủ tịch có CHỦ TỊCH
UBND

CHỦ-SU HÀNH CHÁNH



AM

CH 62

CHỨNG-THẬT

SAC-Y BAN-CHANH

Ngày...2...tháng...8...năm 1988

TM/U.B.N.D. PHƯỜNG 3

F. 07



Nguyễn Văn Thúc

BỘ TƯ - PHÁP
SỞ TƯ PHÁP
TRUNG PHẦN



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Chứng - thư - thế - vì - khai - sinh

Tòa Sơ thẩm Huế
Số 3150

Ngày 28.6.1962

Của

HO-THI-MAI

Năm một ngàn chín trăm Sau mươi hai ngày 28
tháng 6 năm 1962 giờ 10

Trước mặt chúng tôi là Ngô-Bút

Chánh án Tòa Sơ thẩm Huế ngồi tại văn phòng có Ông

Trần-Kiêm-Mai Lục sự giúp việc

CÓ ĐẾN TRÌNH DIỆN

Ông HO-THI-NGO (ngồi đứng xin) 32 tuổi
nghề nghiệp Nội-trợ trú tại 40 Đường Lam-Son, Huế

căn cước số 006084

cấp tại Quận Tư-Nghĩa ngày 24.4.62

Và các nhân chứng của đương sự là:

1. Ông Trần-Ngân-Phúc 34 tuổi
nghề nghiệp Công chức trú tại 40 Đường Lam-Son, Huế

căn cước số 002659

cấp tại Quận Tư-nghĩa ngày 25.4.62

2. Ông HO-Văn-Thảo 50 tuổi
nghề nghiệp Lao công trú tại 40 Đường Lam-Son, Huế

căn cước số 03425

cấp tại Quận Hương-thủy ngày 19.3.62

3. Ông Lê-Thị-Cúc 50 tuổi
nghề nghiệp Nội-trợ trú tại 40 Lam Son, Huế

căn cước số 020475

cấp tại Quận Hương-thủy ngày 19.3.62

Sau khi đã nghe đọc các điều lệ hiện hành và tội man khai họ tịch đối với người đứng xin, và tội nguy chứng dối với các nhân chứng nhưng người sau này đã tuyên thệ và xác nhận lời khai của người đứng xin rằng

HO-THI-MAI con Gái (trai hay gái)

Quốc tịch Việt-Nam

sinh ngày Mười (10) tháng Mười một (11)

năm Một ngàn chín trăm bốn mươi ba (1943)

tại làng 99, Quận 99, Tỉnh Hà-Tĩnh

và con của Ông HO-Hữu-Hậu

và Bà Nguyễn-Thị-Tám Vợ chánh

Người đứng xin khai thêm rằng hiện không thể xin sao lục khai sinh của HỒ-THỊ-MAI được vì lẽ hộ tịch nội sinh quán của y vì biên cố chiến tranh, ngoại kin Vỹ-tuyên.

Bởi vậy chúng tôi căn cứ theo lời khai trên và chiếu các điều 47-48 H. V. HỘ - LUẬT, lập chứng thư thế vì khai sinh này cấp cho đương gia để tùy nghi sử dụng.

Những nhân chứng và người đứng xin có ký tên với chúng tôi và ông Lục - Sự sau khi đọc lại.

LỤC - SỰ.

CHÁNH - AN.

Trần-Kiên-Mai

Ngô-Bút

NHÂN CHỨNG

NGƯỜI ĐỨNG XIN

1. Trà Ngụ Phúc

HỒ-Thị-Ngộ

2. HỒ-Văn-Thảo

3. Lê-Thị-Cúc

Trước bạ tại Huế

Ngày 28 tháng 6 năm 1962

Quyển // tờ // số //

Thầu Mien-tiến

TY QUẢN LÝ THẤT

SAO-Y BAN-CHANH

Huế ngày 28 tháng 6 năm 1962

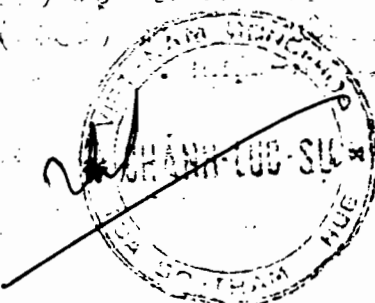
SAO-Y CHANH-BAN

CHANH-LUOC-SU

Ngày 28 tháng 6 năm 1962

TRẦN VĂN PHƯƠNG

CHUYÊN VIÊN



Lệ phí bản Sao 15



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020838601**

Họ tên: **HỒ THỊ MAI**



Sinh ngày: **10-11-1943**

Nguyên quán: **Phu Vang,**

Bình Trị Thiên.

Nơi thường trú: **102/1B Nguyễn**

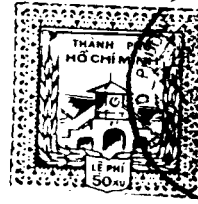
Trãi, TP. Hồ Chí Minh.

CHỨNG THẬT

SAD-Y BAN CHỨNG

Ngày: **3 Tháng 08 năm 1981**

TM/U.B.N.D. PHƯƠNG 3



FOT

Handwritten signature

Handwritten signature

Dân tộc: **Kinh**

Tôn giáo: **Phật**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH



NGÓN TRỎ TRÁI

2 nốt ruồi gần nhau
0,8cm c, 2,5cm d
sau đầu mắt phải.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 26 tháng 03 năm 1970

TỈNH CHÁNH ĐOÀN HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
CẤP TỈNH HOẶC CÔNG AN QUẬN 3



[Signature]
H. Bính

Số hiệu: 3113

KHAI - SANH

h08



TÊN HỌ ÁU-NHI Nguyễn-Hồ-Bình-Huy
Phái Nam
Sinh Ngày mười bốn, tháng tám, năm một ngàn chín trăm
(Ngày, tháng, năm) bảy mươi (14-08-1970)
Tại Trung-tâm Y-tế Toàn-khoa Nha-trang
Cha Nguyễn-Bình-Dũng
(Tên, họ) Tuổi sinh năm một ngàn chín trăm ba mươi tám (1938)
Nghề-nghiệp Quân-nhân
Cư-trú tại KDC. 3.126
Mẹ Hồ-Thị-Mai
(Tên, họ) Tuổi sinh năm một ngàn chín trăm bốn mươi ba (1943)
Nghề-nghiệp Nữ Hộ-sinh Quốc-Gia
Cư-trú tại Cư-xá Sĩ-quan Phòng-Quân Nha-trang
Vợ chánh hay thứ vợ chánh
Người khai Đỗ-Hứa
(Tên, họ) Tuổi sinh năm một ngàn chín trăm hai mươi (1920)
Nghề-nghiệp Tổng Giám-thị Bệnh-viện Nha-trang
Cư-trú tại 84-B, Nguyễn-Trái Nha-trang
Ngày khai Ngày mười một, tháng chín, năm một ngàn chín
trăm bảy mươi (11-09-1970)
Người chứng thứ nhất /
(Tên, họ) Tuổi
Nghề-nghiệp
Cư-trú tại
Người chứng thứ nhì /
(Tên, họ) Tuổi
Nghề-nghiệp
Cư-trú tại

MIỄN LỆ PHÍ

Làm tại Xã Nha-trang-Đông, ngày 11 tháng 09 năm 1970

NGƯỜI KHAI,

T.M. Ủy-Ban Hành-Chánh
HÀ NHÀ TRANG ĐÔNG

NHÂN-CHỨNG,

ỦY-VIÊN HỒ-TỊCH



QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: September 8th 1988

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjablum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : HÔ THI MAI Sex: female
2. Other Names
Họ, tên khác : NONE
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : NOVEMBER 10, 1943 HATINH VIETNAM
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 347 AN DUONG VUONG F3 Q5
HO CHI MINH CITY VIETNAM
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 347 AN DUONG VUONG F3 Q5
HO CHI MINH CITY VIETNAM
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : UNEMPLOYED

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
①. <u>NGUYỄN HO DINH HUY</u>	<u>AUG 14th 1970</u>	<u>NHATRANG VN</u>			<u>male-Single-Son</u>
2.					
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thủ (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng:
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	: <u>NGUYỄN HỒ BÌNH</u> HUÂN	<u>NGUYỄN BÌNH THẠNG</u>
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	: <u>SON</u>	<u>BROTHER</u>
c. Address Địa-chỉ	: <u>15227 LEADWELL ST</u> <u>VAN NUYS CA 91405</u> USA	
D. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	: <u>DECEMBER 19th 1985</u>	<u>1975</u>
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father Cha	:	<u>HO HỮU HẬU (DEAD)</u>
2. Mother Mẹ	:	<u>NGUYỄN THỊ TÂM (DEAD)</u>
3. Spouse Vợ/Chồng:	:	<u>NGUYỄN BÌNH DƯƠNG (DEAD)</u>
4. Former Spouse (if any) Vợ/Chồng trước (nếu có):	:	
5. Children Con cái:	(1)	<u>NGUYỄN HỒ BÌNH HUÂN (Living)</u>
	(2)	<u>NGUYỄN HỒ BÌNH HUY (")</u>
	(3)	
	(4)	
	(5)	
	(6)	
	(7)	
	(8)	
	(9)	
6. Siblings Anh chị em:	(1)	<u>HO THỊ NHƯ HỒNG (female) (Living)</u>
	(2)	<u>HO THỊ NGUYỄN (") (")</u>
	(3)	<u>HO THỊ VY (") (")</u>
	(4)	<u>HO SỸ HỒNG (") (")</u>
	(5)	<u>HO THỊ CAM (") (")</u>
	(6)	
	(7)	
	(8)	
	(9)	

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : HO TH' MAI

Position title
Chức-vụ : NURSERY - TRAINER

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : MENONITE - COMMITTEE - CENTER

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ MAY 1974 Đến APRIL 1975

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: MR - MAX

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : APRIL 30th 1975

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYEN DINH DUNG

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 1962 Đến APRIL 30th 1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : MAJOR Serial Number: 58/600576

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đoàn-Vị Binh-Chúng : 62nd AIR TACTICAL 12th AIR
DIVISION VNAF

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : General NGUYEN VAN LUONG

6. Reason for Separation : APRIL 30th 1975
 Lý do nghỉ việc :
7. Names of American Advisor(s):
 Họ tên cố-vấn Mỹ :
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
 Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
 tại Viet-Nam :
9. U.S. Awards or Certificates
 Name of award: Date received:
 Phần-thưởng hoặc giấy khen: Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
 Available? Yes No .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
 Đứng sự có không? Có Không .)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
 ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
 Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: NGUYỄN ĐÌNH DUNG
2. School and School Address :
 Trường và địa-chỉ nhà trường : OKINAWA - JAPAN
3. Dates: From To
 Ngày, tháng, năm Từ: 1970 Đến: 1970
4. Description of Courses :
 Mô-tả ngành học : FLIGHT - SAFETY
5. Who paid for training? :
 Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : MAAG

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No .)
 (CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
 Họ tên người đi học-tập cải-tạo : NGUYỄN ĐÌNH DUNG
2. Time in Reeducation: From: To:
 Thời gian học-tập Từ: JUNE 16th 75 Đến: DEAD (IN 1980)
3. Still in Reeducation?* Yes No
 Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có Không X

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Signature Date
 Ký tên : Ma Ngày: September 8th 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

2 Birth Certificates
1 Marriage Certificate
1 Death Certificate
1 Release Certificate
1 ID Card
2 Photos

Ngày 8 Tháng 9 năm 1988

Kính thưa Bà

Chồng tôi Nguyễn Đình Dũng
Số Quân 68/600 576 là Thiếu tá thuộc
phi đoàn 114 Không đoàn 62CT Sư
đoàn 2 K Quân Đai Sĩ học tại Caid tạo
ngày 16/6/75 tại Thành hóa và
chết 1/1/80 Sau khi về nhà được
24 ngày

Cả không thể' thừa hết với
bà về nỗi thống khổ và hoàn
cảnh chết 1 cái đặc biệt này của
chồng tôi - Chồng tôi kìm nén
mất vì anh ấy quá hung hăng!

Tôi chỉ có 2 đứa con:

1) Nguyễn Hồ Đình Khuân 20t.
Chàng 4/1985 Cháu đã vượt biên
ra đi và được định cư tại Hoa Kỳ
19/12/1985 địa chỉ hiện tại 15227
Leadwell st Van Nuys CA 91405 USA

2) Nguyễn Hồ Đình Khuy 18t
bị tể liệt từ lúc 3 tháng,

Kính thưa Bà:

Chồng tôi đã nằm xuống

1 cái tôi nghĩ, chỉ còn lại 2 đứa
con là nguồn sống duy nhất của
tôi, nhưng 1 đứa đã bỏ vợ ở xứ
người, không ai lo lắng dạy bảo
hệ con để bỏ la ngà và phạm tội.
1 đứa thì tật nguyền không chịu
hí được, vì vậy xin bà xót thương
mà giúp đỡ và can thiệp giúp cho
tôi được đoàn tụ với con tôi ở Mỹ
để tôi còn có dịp chăm sóc cho
cháu duy tại nguyên ...

Kính thưa Bà!

Con đã được nghe nhiều người
ca ngợi về bà, nên tôi tin hẳn bà
biết được sự thật hoàn cảnh của
chúng tôi bây giờ không bao giờ
tự chối. Con xin kính cảm ơn Bà
mãi mãi.

Kính.

Mai

Đoàn Thị Mai

HỒ TIH MAI
34 AN DONG VUONG
F3 Q5 HCM CITY.

TN chet.

Claim Check
No.

162866

☐ Hold

Date

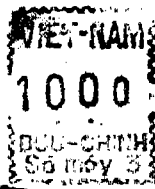
10-3-88

1ST Notice

2ND Notice

Return

Detached from
PS Form 3845-A,
Oct. 1985

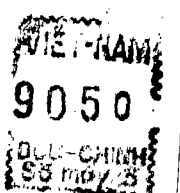


AVION VIA AIR MAIL

MAY BAY
PAR AVION

OCT 6 1988

Kính gửi Mrs. KHUC-MINH-THO
HỘI GIA-ĐÌNH TỰNHÂN CHÍNH-TRỊ
7813 MARTHA - LANE FALLS-CHURCH
VA 22043
USA.





HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058

TV#: 242630

VEWL.#: _____

I-171: Y _____

EXIT VISA.#: _____

* WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER *
* REGISTRATION FORM *
* (Two Copies) *

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM MAI THI HO
Last Middle First

Current Address 347 AN DUONG VUONG F3 QS HCM

Date of Birth 10.11.43 Place of Birth HA TINH

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND/
FATHER)

NGUYEN DINH DUONG

Previous Occupation (before 1975) MAJOR V.N. AIR FORCE
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 14.6.75 To DEATH DATE: 1.1.80

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN F. JOHN (NGUYEN DINH THANG)
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

NGUYEN HO DINH HUÂN Son

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : MAI THỊ HO
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
① NGUYỄN HỒ BÌNH HUY	14.8.70	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 242420

VEWL.#: _____

I-171: Y N

EXIT VISA.#: _____

* WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER *
* REGISTRATION FORM *
* (Two Copies) *

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM MAI THI HO
Last Middle First

Current Address 347 AN DUONG VUONG F3 B5 HCM

Date of Birth 10.11.43 Place of Birth HA TINH

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND/
FATHER)

NGUYEN DINH DUNG

Previous Occupation (before 1975) MAJOR V.N. AIR FORCE
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 14.6.75 To DEATH DATE: 1.1.80

3. SPONSOR'S NAME: NUIEN. F. JOHN (NGUYEN DINH THANG)
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

NGUYEN HO DINH HUÂN

Son

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : MAI THI HO
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
① NGUYỄN HỒ BÌNH HUY	14.8.70	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

5. ADDITIONAL INFORMATION :

Saigon 10/5/90

Kính thưa Bà!

Eoi đã nhận được thư Bà ngày 8/5/90, tôi rất mừng và sung sướng. Xin cảm ơn Bà và quý hội đã nghĩ đến tôi và đưa con tôi về quê nhà.

Thưa Bà, năm 1988 tôi nhớ người quen mang hồ sơ chồng tôi qua Thái Lan, Eoà Đại sứ Mỹ tại Thái Lan chỉ cho tôi SR IV # 242480 mà không cấp Lối vì họ bảo chồng tôi chết ngoài trại 24 ngày nên phải có bệnh án để chứng thực chồng tôi đã bị bệnh khi còn ở trại. Sau đó tôi đem gửi bệnh án của chồng tôi không biết vì thất lạc hay thế nào mà tôi không được trở lại.

Thưa Bà, năm 1982 em ruột chồng tôi là Nguyễn Đình Cường (Nuien F. John) đã gửi báo lãnh xin cho mẹ con tôi sang định cư tại Hoa Kỳ. Hồ sơ đã được chuyển lên Nguyễn Du nhưng sau đó không được cuộc xét vi diện anh em và hơn nửa chồng tôi đã chết. Những năm 1989 thì dịch vụ xuất cảnh VN chấp thuận làm cho tôi và sơ cấp giấy xuất cảnh vào ngày 8/6/90. Hiện em tôi cư ngụ 3322 Clair Ct # 18 Santa Clara CA 95051.

Con tôi là Nguyễn Hồ Đình Hoàn ngụ 8545 Columbus # 101 Sepulveda CA 91343

Thưa Bà, trong thư Bà, chỉ

Chức Bà, nhân Hoa kỳ là quê hương
thứ 2 là điều tôi mong muốn ước ao nhất,
ở đó có con tôi; có tình thương, sự nâng
đỡ rõ lòng ưu ái mà Bà là người đầu tiên
thờ hiến tâm lòng cao quý ấy... Tôi xin
muôn vạn đời ơn Bà và Quý Hôn.

Kính.

Hea

Hồ thị Mai

347 An đường Vương 7305 Hoa

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HTS/P3

Xã, thị trấn: _____
Thị xã, quận: 5
Thành phố, tỉnh: HCM

GIẤY CHỨNG TỬ

Số 1 / P 23
Quyển số 1

Họ và tên	NGUYỄN DINH DUNG
Nam hay nữ	Nam
Sinh ngày, tháng, năm	(1938)
Dân tộc	KINH
Quốc tịch	VIỆT NAM
Nơi ĐKNK thường trú	102 / 1 B Nguyễn Tri
Ngày, tháng, năm chết	1 / 1 / 1980
Nơi chết	TẠI NHÀ
Nguyên nhân chết	UNG THỦ
Họ, tên, tuổi người báo tử	NGUYỄN THỊ THOẠI HUNG
NĐKNK thường trú	
Số giấy CM, giấy GNCC	
Quan hệ với người chết	CÔ RIẾT

SACH BAN CH

Ngày _____

T.UBND/G

Đăng ký ngày 2 tháng 1 năm 1980

TM/UBND

(Ký tên đóng dấu)



Dương Văn Bình

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV 242430

Date: _____
Ngày: May 10th 1990

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjathum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

- Name
Họ, tên : HO THI MAI Sex: female
Phái
- Other Names
Họ, tên khác : None
- Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : NOVEMBER 10-1943 HATINA VN.
- Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 347 AN DƯƠNG VƯƠNG F3 AC
HO CHI MINH V.N.
- Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 347 AN DƯƠNG VƯƠNG F3 AC
HO CHI MINH VN.
- Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : UNEMPLOYED

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>NGUYEN HO DINH HUY</u>	<u>AUG 14, 1970</u>	<u>NHATRANG VN</u>	<u>Male</u>	<u>Single - Son</u>	
2.					
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Ho Hôn ở Ngoài Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative in the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

: NGUYỄN HỒ
ĐÌNH HUÂN

NGUYỄN BÌNH THẮNG

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

: CON

BROTHER

c. Address
Địa-chỉ

D. Date of Relatives Arrival
in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

: DECEMBER 19th
1985

1975

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

:

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

:

c. Address
Địa-chỉ

:

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

: HỒ HIỂU HẬU (DEAD)

2. Mother
Mẹ

: NGUYỄN THỊ TAM (DEAD)

3. Spouse
Vợ/Chồng

: NGUYỄN BÌNH DƯƠNG (DEAD)

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái:

(1) NGUYỄN HỒ BÌNH HUÂN (LIVING)

(2) NGUYỄN HỒ BÌNH HUY (LIVING)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings
Anh chị em:

(1) HO TIÊN NHƯ HỒNG (female) (Living)

(2) HO TIÊN NGÔ (") (")

(3) HO TIÊN VY (") (")

(4) HO SỸ HỒNG (male) (")

(5) HO TIÊN CẨM (female) (")

(6)

(7)

(8)

(9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : HỒ THỊ MAI

Position title
Chức-vụ : NURSERY TRAINER

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : MENONITE - COMMITTEE CENTER

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ MAY 1974 Đến APRIL 1975

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: MR - MAX

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : APRIL 30th 1975

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYỄN ĐÌNH DUNG

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 1963 Đến APRIL 30th 1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : MAJ 100 Serial Number: 58/600576
Số thẻ nhân-viên:

4. Ministry/Office/Military Unit
Lộ/sở/Đoàn-Vị Binh-Chúng : 62nd AIR TACTICAL / 2nd AIR
DIVISION VNAF

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : GENERAL NGUYỄN VĂN LƯỢNG

6. Reason for Separation : April 30th 1975
 Lý do nghỉ việc :
 7. Name of American Advisor(s):
 Họ tên cố vấn Mỹ :
 8. U.S. Training Courses in Vietnam:
 Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ
 tại Việt-Nam :
 9. U.S. Awards or Certificates
 Name of award: Date received:
 Phần thưởng hoặc giấy khen: Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
 Available? Yes No.)
 (CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
 Đồng sở có không? Có Không.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
 Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: NGUYỄN ĐÌNH QUANG
 2. School and School Address : OKINAWA - JAPAN
 Trường và địa-chỉ nhà trường :
 3. Dates: From To
 Ngày, tháng, năm Từ: 1970 Đến: 1970
 4. Description of Courses : FLIGHT SAFETY
 Mô-tả ngành học :
 5. Who paid for training? :
 Ai đài-thư chương-trình huấn-luyện? : MAAG

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available: yes No.)
 (CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
 Họ tên người đi học-tập cải-tạo : NGUYỄN ĐÌNH QUANG
 2. Time in Reeducation: From: To:
 Thời gian học-tập Từ: JUNE 1975 Đến: DEAD (1.1.1980)
 3. Still in Reeducation?* Yes No
 Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có Không X

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)
 *(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

Signature Near Date MAY 10th 1990
 Ký tên : Ngày:

Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
 Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

Số hiệu: 3113

KHAI - SANH

408

TÊN HỌ ẤU-NHI Nguyễn-Hồ-Đình-Huy
Phái Nam
Sanh Ngày mười bốn, tháng tám, năm một ngàn chín trăm
(Ngày, tháng, năm) bảy mươi (14-08-1970)
Tại Trung-tâm Y-tế Toàn-khoa Nha-trang
Cha Nguyễn-Đình-Dũng
(Tên, họ)
Tuổi sinh năm một ngàn chín trăm ba mươi tám (1938)
Nghề-nghiệp Quân-nhân
Cư-trú tại KBC.3.I26
Mẹ Hồ-Thị-Mại
(Tên, họ)
Tuổi sinh năm một ngàn chín trăm bốn mươi ba (1943)
Nghề-nghiệp Nữ Hộ-sinh Quốc-Gia
Cư-trú tại Cư-xá Sĩ-quan Không-Quân Nha-trang
Vợ chánh hay thứ vợ chánh
Người khai Đỗ-Hiến
(Tên, họ)
Tuổi sinh năm một ngàn chín trăm hai mươi (1920)
Nghề-nghiệp Tổng Giám-thị Bệnh-viện Nha-trang
Cư-trú tại 84-B, Nguyễn-Trái Nha-trang
Ngày khai Ngày mười một, tháng chín, năm một ngàn chín
trăm bảy mươi (11-09-1970)
Người chứng thứ nhất /
(Tên, họ)
Tuổi /
Nghề-nghiệp /
Cư-trú tại /
Người chứng thứ nhì /
(Tên, họ)
Tuổi /
Nghề-nghiệp /
Cư-trú tại /



Đỗ Hiến
Đỗ Hiến

MIỄN LỆ PHÍ

Làm tại Xã Nha-trang-Đông, ngày 11 tháng 09 năm 1970

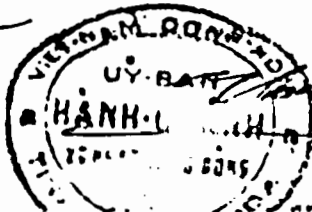
NGƯỜI KHAI,

T.M. Ủy-Ban Hành-Chánh

NHÂN-CHỨNG,

XÃ-NHÀ-TRANG-ĐÔNG

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



PETITION TO CLASSIFY STATUS OF ALIEN RELATIVE
FOR ISSUANCE OF IMMIGRANT VISA

Fee Stamp

(PLEASE NOTE - YOU ARE THE PETITIONER AND
YOUR RELATIVE IS THE BENEFICIARY)

TO THE SECRETARY OF STATE:

REMARKS

- ☐
- PERSONAL INTERVIEW CONDUCTED
-
- ☐
- DOCUMENT CHECK ONLY
-
- ☐
- FIELD INVESTIGATION COMPLETED
-
- ☐
- APPROVAL PREVIOUSLY FORWARDED

The petition was filed on _____

The petition is approved for status under
section:

- ☒
- SPOUSE
-
- ☐
- 201 (b) CHILD
-
- ☐
- 201 (b) PARENT
-
- ☐
- 201 (a) (1)
-
- ☐
- 203 (a) (2)
-
- ☐
- 203 (a) (4)
-
- ☐
- 203 (a) (5)

DATE
OF
ACTION

DD

DISTRICT

PETITIONER IS NOT TO WRITE ABOVE THIS LINE

1. Name of beneficiary (Last, in CAPS) (First) (Middle) HO MAI THI		2. Do Not Write in This Space	3. Beneficiary's marital status: ☐ Married ☒ Widowed ☐ Divorced ☐ Single
4. Other names used by beneficiary (including maiden name if married) Mrs Nguyen dinh Dung		5. Has this beneficiary ever been in the U.S.? ☐ YES ☒ NO	
6. Country of beneficiary's birth Vietnam	7. Date of beneficiary's birth (Month, day, year) 11/10/1943		8. Are beneficiary and petitioner related by adoption? ☐ YES ☒ NO
9. Petitioner's name (Last, in CAPS) (First) (Middle) NUIEN JOHN FITZGERALD		10. Petitioner's phone No. 923-2086	11. The beneficiary is my: (relationship) Sister-in-Law
12. Other names used by petitioner (including maiden name if married woman) Nguyen dinh Thang (used when lived in Vietnam)			
13. Name of beneficiary's spouse, if married, and date and country of birth (Omit this item if petition is for your spouse)			
Full names of beneficiary's spouse and children, if any (Omit this item if petition is for your spouse)			
1- Nguyen ho dinh Huan June 16, 1968 Quang Ngai Vietnam			
2- Nguyen ho dinh Huy August 14, 1970 Nha Trang vietnam			
14. Names, birthdates and countries of birth of beneficiary's children: The two children and their mother are presently residing at 347 An Duong Vuong, Q 5 , Ho chi Minh City, Vietnam			
15. Check the appropriate box below and furnish the information required for the box checked. ☒ Beneficiary will apply for a visa abroad at the American Consulate in Bangkok, Capital of Thailand (CITY IN FOREIGN COUNTRY) (FOREIGN COUNTRY) ☐ Beneficiary is in the United States and will apply for adjustment of status to that of a lawful permanent resident in the office of the Immigration and Naturalization Service at _____ (CITY) (STATE) If the application for adjustment of status is denied, the beneficiary will apply for a visa abroad at the American Consulate in _____ (CITY IN FOREIGN COUNTRY) (FOREIGN COUNTRY)			
17. Address in the United States where beneficiary will reside _____ (State)			
18. Address at which beneficiary is presently residing (Apt. No.) _____ (Province or State) (ZIP Code)			
19. (a) Beneficiary's address abroad (if any) is: _____ (Country) (b) If the beneficiary's native alphabet is other than Roman letters, write his/her name and address in the native alphabet (Name) _____ (Town or City) _____ (Country)			

OVER

RECEIVED	TRANS IN	RET'D TRANS OUT	COMPLETED

20. If beneficiary is in the United States, give the following information concerning beneficiary

(a) Last arrival in U.S. as: 1. Visitor, student, exchange alien, temporary worker, etc. (Month) (Day) (Year)	(b) Date beneficiary's stay expired or will expire as shown on his Form I-94 or I-155 (Month) (Day) (Year)	(c) Beneficiary's File number if any A-
---	--	---

(d) Name and address of beneficiary's present employer

Self employed

(e) Date beneficiary began this employment

(f) Date of birth (Month) (Day) (Year)

10 2 1953

(g) Date of birth (Month) (Day) (Year)

Quang Ngai

(h) Date of birth (Month) (Day) (Year)

Vietnam

(i) Citizenship was acquired:
1. through birth in the U.S.
2. through parent ☒ through naturalization

(1) If acquired through naturalization, give name under which naturalized or name used prior to naturalization, if different, and your parent's name, number of naturalization certificate, and date and place of naturalization

Nguyen dinh Thang

(2) If known, my former alien registration number was **22 021 672**

(3) If acquired through parentage or marriage, have I obtained a certificate of citizenship in my own name

(a) If so, give number of certificate and date and place of issuance **11050007 April 30, 1982 Hammond, Ind 46324**

(b) If not, submit evidence of citizenship in accordance with instruction 3.112

21. If you are a lawful permanent resident alien of the United States, give the following

(a) Alien Registration Number

(b) Date, place, and means of admission for lawful permanent residence

22. If this petition is for your spouse or child, give the following

(a) Name of your prior spouses

(b) Name of your child

23. My residence in the United States is

620 N. Wheeler

1J

Griffith, Ind 46319

24. My address abroad (if any) is

620 N. Wheeler

1J

Griffith, Ind 46319

25. Last address at which I and my spouse resided together

(a) (b) (c) (d) (e) (f) (g) (h) (i) (j) (k) (l) (m) (n) (o) (p) (q) (r) (s) (t) (u) (v) (w) (x) (y) (z)

26. If this petition is for a child, (a) is the child married (b) is the child an adopted child

If so, give the names, dates, and places of birth of all other children adopted by you, if none, so state

27. If this petition is for a brother or sister, are both your parents the same as the petitioner's parents? If not, submit a separate statement giving full details as to parentage, dates of marriage of parents, and the number of previous marriages of each parent

28. If separate petitions are also being submitted for other relatives, give number of each alien's name and relationship to petitioner

29. Have you ever filed a petition for this alien before? **NO** If so, give place and date of filing and result

CERTIFICATION OF PETITIONER

I certify, under penalty of perjury under the laws of the United States of America that the foregoing is true and correct.

Executed on (date)

33. SIGNATURE OF PERSON PREPARING DOCUMENT IF OTHER THAN PETITIONER

I declare that this document was prepared by me at the request of the petitioner and is based on all information of which I have any knowledge.

(SIGNATURE) (ADDRESS) (DATE)



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

CASE NO. (for USCC use)

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N. W. • WASHINGTON, D. C. 20005

202/659-6625

Telex: 248393 ATTN: MRS

NEW FORM

APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION (Relatives in Viet-Nam)

My name is : Nuien Fitzgerald John / Phone number 219 845 5188
Family Middle Given name

I reside at: Number Street City States Zip

I was born on: Oct 2, 1953 in: Quang Ngai, Central Vietnam
(country)

I arrived in the United States on/in: June 14, 1975 from: or camp) South Vietnam

My Alien Registration number is: A A22 021 072

My Naturalization Certificate number is: 11050007

My status is: ☐ Parolee ☐ Permanent Resident ☒ U.S. Citizen

I am making this application to request that the following relatives still in Viet Nam be authorized to come to the United States:

NAME	DATE AND PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP	ADDRESS IN VIETNAM
Ho thi Mai	11/10/1943 Vietnam	Sister-in-law	347 An duong Vuong 05, Hochiminh City Vietnam
Nguyen Ho dinh Huan	June 6, 1962 Vietnam	Nephew	The same shown above
Nguyen Ho dinh Huy	August 14, 1970 Vietnam	Nephew	The same shown above

Signature: John F. Nuien

Date: June 28, 1982

Before me, a Notary Public, on this day personally appeared John F. Nuien known to me to be the person whose name is subscribed to the foregoing instrument and acknowledged to me that he/she executed the same for the purposes and consideration therein expressed.

STATE OF Indiana

COUNTY OF Lake

NOTARY PUBLIC Julie A. Vaughan

My commission expires June 19, 1984

AFFIDAVIT OF SUPPORT

(ANSWER ALL ITEMS; FILL IN WITH TYPEWRITER OR PRINT IN BLOCK LETTERS IN INK.)

I, JOHN F. LUEN, residing at 3005 CAMDEN LANE
(Name) (Street and Number)

(City) (State) (ZIP Code if in U.S.) (Country)

BEING DULY SWORN DEPOSE AND SAY:

1. I was born on Oct 2, 1953 at Quang Ngai Vietnam
(Date) (City) (Country)

If you are not a native born United States citizen, answer the following as appropriate:

a. If a United States citizen through naturalization, give certificate of naturalization number 11050007

b. If a United States citizen through parent(s) or marriage, give citizenship certificate number _____

c. If United States citizenship was derived by some other method, attach a statement of explanation.

d. If a lawfully admitted permanent resident of the United States, give 'A' number _____

2. That I am 28 years of age and have resided in the United States since (date) June 14, 1975

3. That this affidavit is executed in behalf of the following person:

Ho thi Mai (or Mrs Nguyen Dinh Dung) 38
(Name) (Sex) (Age)Vietnam Married Sister in Law
(Country) (Marital Status) (Relationship to Deponent)347 An-duong Vuong, Q5, Ho Chi Minh City, Vietnam
(Presently resides at - Street and Number) (City) (State) (Country)

4. That this affidavit is made by me for the purpose of assuring the United States Government that the person named in item 3 will not become a public charge in the United States.

That I am willing and able to receive, maintain and support the person named in item 3. That I am ready and willing to deposit a bond, if necessary, to guarantee that such person will not become a public charge during his or her stay in the United States, or to guarantee that the above named will maintain his or her nonimmigrant status if admitted temporarily and will depart prior to the expiration of his or her authorized stay in the United States.

6. That I understand this affidavit will be binding upon me for a period of three (3) years after entry of the person named in item 3 and that the information and documentation provided by me may be made available to the Secretary of Health and Human Services.

7. That I am employed as, or engaged in the business of Steel Making with Inland Steel Company
(Type of business) (Name of concern)

(Street and Number) (City) (State) (ZIP Code)

I derive an annual income of (if self-employed, I have attached a copy of my last income tax return or report of commercial rating concern which I certify to be true and correct to the best of my knowledge and belief. See instruction for nature of evidence of net worth to be submitted.) \$ 27,000 to 28,000I have on deposit in savings banks in the United States \$ 5500.00I have other personal property, the reasonable value of which is \$ 6000.00I have stocks and bonds with the following market value, as indicated on the attached list which I certify to be true and correct to the best of my knowledge and belief. \$ N/AI have life insurance in the sum of \$ N/A
With a cash surrender value of \$ N/AI own real estate valued at \$ 41,000.00With mortgages or other encumbrances thereon amounting to \$ 5000.00Which is located at _____
(Street and number) (City) (State) (ZIP Code)

8. That the following persons are dependent upon me for support: (Place a check / in the appropriate column to indicate whether the person named is wholly or partially dependent upon you for support.)

NAME OF PERSON	WHOLLY DEPENDENT	PARTIALLY DEPENDENT	AGE	RELATIONSHIP TO ME
Ho thi Mai		yes	39	Sister in Law
Nguyen Ho dinh Huan		/	14	Nephew
Nguyen Ho dinh Huy		/	12	Nephew

9. That I have previously submitted affidavit(s) of support for the following person(s). If none, state none.

Name

Date submitted

None

10. That I have submitted visa petition(s) to the Immigration and Naturalization Service on behalf of the following person(s). If none, state none.

Name

Relationship

Date submitted

None

11. (Complete this block only if the person named in item 3 will be in the United States temporarily.)
That I ☒ do intend ☐ do not intend, to make specific contributions to the support of the person named in item 3. (If you check "do intend", indicate the exact nature and duration of the contributions. For example, if you intend to furnish room and board, state for how long and, if money, state the amount in United States dollars and state whether it is to be given in a lump sum, weekly, or monthly, and for how long.)

OATH OR AFFIRMATION OF DEPONENT

I swear (affirm) that I know the contents of this affidavit signed by me and the statements are true and correct.

Signature of deponent

✓ John F. Miller

Subscribed and sworn to (affirmed) before me this 28 day of June, 19 82

at Lake County Ind

My commission expires on

MY COMMISSION EXPIRES

N'tary Bette Bancela

Resident of Lake County Ind

FEBRUARY 22, 1986

Signature of Officer Administering Oath

Title

If affidavit prepared by other than deponent, please complete the following:

I declare that this document was prepared by me at the request of the deponent and is based on all information of which I have any knowledge.

(Signature)

(Address)

(Date)

Saigon 10/5/90

Kính thưa Bà!

Eôi đã nhận được thư Bà ngày 8/5/90, tôi vô cùng xúc động vô cùng mừng!
Xin cảm ơn Bà và quý hội đã nghĩ đến tôi và đưa con tôi nguyên của tôi tại quê nhà!

Thưa Bà, năm 1988 tôi như người quen mang hồ sơ chồng tôi qua Thái Lan, Tòa Đại sứ huy tại Thái Lan chỉ cho tôi SS'IV # 242430 mà không cấp cho: vì họ bảo chồng tôi chết ngoài trại 24 ngày nên phải có hồ sơ bệnh án để chứng thực chồng tôi đã bị bệnh khi còn ở trại. Sau đó tôi đã gửi bệnh án của chồng tôi nhưng không biết vì thất lạc hay thế nào mà tôi không được trả lời.

Thưa Bà, năm 1982 em ruột chồng tôi là Nguyễn đình Phóng (Nuien F. John) hiện cư ngụ tại 3322 Clair ct # 18 Santa Clara CA 95051, đã gửi báo lỗi xin cho mẹ con tôi sang định cư tại Hoa Kỳ. Nếu số đã được chuyển lên Nguyễn Du nhưng sau đó không được cứu xét vì điện anh em và hơn nữa chồng tôi đã chết. Những năm 1989 thi dịch vụ xuất cảnh VN chấp thuận làm cho tôi và sơ cấp giấy xuất cảnh vào ngày 8/6/90.

Địa chỉ con tôi: Nguyễn hồ đình
Phuân 8545 Columbus # 101 Sepulveda CA 91343

Thưa Bà, trong thư bà, chỉ đánh dấu 2 mục, số nhớ false cần đến nên tôi đã gửi thêm một mục 1 bản.

Kính Chào Bà,

Nếu Bà và Quý Hội giúp đỡ cho
tôi được ra đi theo diện Ho thì sự đoàn tụ
của chúng tôi được nhanh chóng hơn nhiều.
Được nhận Hoa Kỳ là quê hương thứ 2 là
điều tôi mong muốn ước ao nhất. Ở đó có
con tôi; có tình thương, sự rộng rãi và
lòng yêu ái mà Bà là người đầu tiên thể
hiện tâm lòng cao quý ấy... Tôi xin luôn
vân nhớ ơn Bà và Quý Hội.

Kính .

Ma

Hs - Thị Mai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022515016

Họ tên: NGUYỄN HỒ ĐÌNH HUY

Sinh ngày: 1/8-1970

Nguyên quán: TX Quảng Ngãi,
Nghĩa Bình

Nơi thường trú: 34/ An Dương
Vương, P3CS, TP Hồ Chí Minh



Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Phật	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sọc thẳng 1,5cm c, 3,5cm dưới sau đuôi mắt trái	
		Ngày 05 tháng 10 năm 1988 TRUNG TỶ CÔNG AN	
		 <i>he</i> m Văn Khê	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020838601**

Họ tên: **HỒ THỊ MAI**



Sinh ngày: **10-11-1943**

Nguyên quán: **Phu Vang,**

Bình Trị Thiên.

Nơi thường trú: **102/1B Nguyễn**

Trãi, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật	
	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH Đốt ruồi gần nhau 0,8cm c, 2,5cm dưới sau dấu mắt phải. Ngày 26 tháng 03 năm 1970 T. L. S. GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN C. T. P. TR. L. S. CÔNG AN QUẬN 5 <i>[Signature]</i> <i>Nguyễn Hiệp Bình</i>
	

BẢN TÓM TẮT BỆNH ÁN CHUYỂN VIỆN

Họ và tên : Nguyễn Đình Dũng 41 tuổi
Nghề nghiệp : Nhân dân (XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX)
Địa chỉ gia đình : 102-IB Phố Nguyễn Trãi - Quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh.
Vào viện ngày 20-11-1979 lúc 7^h
Lý do vào viện : Bệnh viện Cẩm thủy Thanh hóa chuyển đến
với chẩn đoán : nghi K hạch (BS. Lê Sơn).

Bệnh sử : Từ tháng 3-1979 thấy nổi hạch ở cổ bên trái.
Sau đó là nổi hạch ở hạch và bên trái. Đau như chỗ nổi hạch nhất là
vùng bên trái. Đồng thời người có cảm giác rất mệt, không làm được
việc nặng, ăn uống kém - Sau 1/2 tháng người gầy sút nhiều. Trong
thời gian này bệnh nhân thường bị sốt nhẹ, sốt liên tục 3-4 ngày
rồi bớt, sau đó lại sốt lại. Ở đơn vị đã được điều trị bằng Strept-
tomycin và Penicilline liều cao. Số lượng bạch vân ngày một xuất
hiện nhiều hơn ở cả 2 bên cổ, ở bụng, nách và bên, được chuyển đến
bệnh viện huyện Cẩm thủy ngày 22-10-1979 và cũng được điều trị như
1 lao hạch trong 1 tháng. Bệnh nhân được hội chẩn lại và nghi đến
ung thư hạch được chuyển đến BV. Bạch mai (19-11)

Thăm khám bệnh nhân lúc vào phòng C5 khoa Nội BV. Bạch mai
(ngày 20-11-1979).

B/n không sốt nhưng về mệt nhiều. Người gầy da bọc xương
ở cổ có nhiều hạch to nhỏ không đều, mật độ rắn, di động dễ, không
đau, d: hạch to nhất 4-5cm, nhỏ nhất 1cm. Ở bên cũng có nhiều hạch
như vậy nhất là bên trái có 1 hạch khá to d = 5cm, chen ép gây phù
chân trái.

Ở bụng có nhiều hạch to nhỏ không đều, tính chất cũng như
các hạch ở cổ, bụng. Vùng thượng vị chèn về bên trái có 1 đám hạch
đình vào nhau thành 1 mảng, mật độ rắn, di động khó khăn.

Gan lách khó xác định vì các mảng hạch lấn vào.

Tim nhịp đều, tiếng tim bình thường. HA = 140/100 mmHg

Phổi có hội chứng 3 giảm ở vùng đáy cả bên, nhiều hơn bên
trái.

Không xuất huyết dưới da và niêm mạc

Bệnh nhân được chẩn đoán : K hạch

Kết quả xét nghiệm :

CTM : HC = 3020.000
BC = 13.000 N. 82 E1, M 1 và L 16

- 2 -

MC = 4' 30" , MD : 7'
Tốc độ lắng máu 50 - 62
Ure máu : lần I (21/1/79) : 148 mg%
lần II (27/11/79) : 160 mg%

Đường máu : 135 mg%
Ty l^o B¹² 44%
Nước tiểu lần I (21-11-79)

Try hạt ++
Bạch cầu +++
Protein 0,66g/l
Đường không có

lần II (21-12-79)

Bạch cầu ++
con lại tất cả đều âm tính.

Phản ứng Mantoux (-)
Hạch đồ : U lympho ác tính. Cần sinh thiết để xác
chẩn loại K (B/n chưa được sinh thiết hạch).

Ngày 24/11/1979 giáo sư Đặng Văn Chung xem b/n cũng nghi đến K hạch

B/n được điều trị từ 20-11-1979 đến 6-12-1979 :

- Truyền máu
- Prednigolon 5mg x 12^v/ngày
- Vit các loại.

Theo dõi diễn biến thấy b/n có cảm giác dễ chịu hơn, đã ăn
được chút ít. Số lượng hạch như cũ, thể tích cổ nhỏ đi chút ít.
Cổ cảm giác bớt rắn hơn. Chân trái vẫn còn phù do hạch chèn ép.

Theo nguyện vọng của gia đình, chúng tôi chuyển bệnh nhân
về bệnh viện thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều trị.

Thông qua
phổ nhiệm khoa

BS. Phạm Khuê

Ngày 6 tháng 12 năm 1979
Trưởng phòng điều trị

Trưởng

BS. Đào Văn Chính

Phân ban Cảnh sát

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTC, ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Trại

Số GRT

Số HSL

0 0 1 5 7 8 0 1 8 0 2

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thị hành án văn, quyết định tha số 622/01 ngày 12 tháng 12 năm 1979

của

Nay cấp giấy tha cho anh, chỉ có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

NGUYỄN ĐÌNH DUNG

Họ, tên thường gọi

Nguyễn Đình Dung

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 01 tháng 3 năm 1958

Nơi sinh

Nam Định - Thị xã Quảng Ngãi

Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt

102-IB Nguyễn Trãi Thành Phố Hồ Chí Minh

Can tội

Thiếu tá Sĩ quan an ninh

Bị bắt ngày

14.6.75

Án phạt

TTCT

Theo quyết định, án văn số

Bộ Nội vụ

Đã bị tăng án

lần, cộng thành

năm

Đã được giảm án

lần, cộng thành

tháng

Nay về cư trú tại

102-IB Nguyễn Trãi Quận 5 - TP Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Tử tưởng chưa nhận rõ tội lỗi. Nếu trong cải tạo chưa thực sự ăn tâm.

Lao động Thiếu tích cực. Từ ngày bị bệnh không tham gia lao động.

Học tập Không chịu tiếp thu cải tạo.

Nội quy nhiều lần vi phạm kỷ luật.

Lên tay ngôn trở phải

Cán

Dũng

Danh bìa số

7739

Lớp

Quản pháp

Họ, tên chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 03 tháng 12 năm 1979

Giám thị

Thị Dung B. B. B.

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 526156 CN

Họ và tên chủ hộ : *Hồ Thị Mai*
 Ấp, ngõ, số nhà : *347*
 Thị trấn, đường phố : *An Trường Vương*
 Xã, phường : *Sông Ba*
 Huyện, quận : *Năm*

Ngày : 10 tháng 2 năm 1982
 Trưởng công an : *Quận 5*
 (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3 :

Trưởng Công an Quận 5

NHỮNG NGƯỜI THƯƠNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên căn hộ ĐKKK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	HOÀ - thị Mai	chủ hộ	Nữ	10.11.1943	020838601		19.9.1979		
2	Nguyễn ho - đình Hoàn	con	Nam	1968		học sinh	19.9.1979	bỏ đi 9.85	
3	Nguyễn ho - đình Huy	con	Nam	1970	020515016	học sinh	19.9.1979		
4	HOÀ - thị minh Châu	cháu	Nữ	1956	020805602	Nhân viên dạy dỗ	19.9.1979		
5	HOÀ - thị minh Châu	con	Nữ	30.01.1980			07.12.1980		
6	TRẦN VĂN AN	cháu	Nam	1959			22.6.1983		
7	TRẦN VĂN AN	cháu	Nam				21.1.1985	bỏ đi 9.85	
8	TRẦN Anh Minh	cháu	Nam	13.6.84			29.6.84		

BỘ TƯ PHÁP

SỞ TƯ PHÁP

TRUNG PHÂN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Chứng - thư - thế - vì - khai - sinh

Tòa Sở thẩm Huê
Số 3150

Ngày 28.6.1962

Của HỒ-THỊ-MẠI

Năm một ngàn chín trăm ba mươi hai này 28
tháng 6 số 12 giờ

Trước mặt chúng tôi là Ngô-Biệt

Chính án Tòa Sở thẩm Huê ngồi tại văn phòng có Ông

Trần-Kiến-Mai Lục sự giúp việc

CÓ ĐẾN TRÌNH DIỆN

Ông HỒ-THỊ-NGÔ (ngời đứng xin) 32 tuổi
nghề nghiệp Hội-trợ trú tại 40 Đường Lam-Sơn, Huê

căn cước số 006084

cấp tại Quận Tư-Nghĩa ngày 24.4.62

Và các nhân chứng của đương sự là:

1^o. Ông Trần-Tiến-Phúc 34 tuổi
nghề nghiệp Công-chưa trú tại 40 Đường Lam-Sơn, Huê

căn cước số 002659

cấp tại Quận Tư-nghĩa ngày 25.4.62

2^o. Ông HỒ-Văn-Thảo 50 tuổi
nghề nghiệp Lao công trú tại 40 Đường Lam-Sơn, Huê

căn cước số 03425

cấp tại Quận Hương-thủy ngày 19.3.62

3^o. Ông LÊ-THỊ-QUO 50 tuổi
nghề nghiệp Hội-trợ trú tại 40 Lam Sơn, Huê

căn cước số 020475

cấp tại Quận Hương-thủy ngày 19.3.62

Sau khi đã nghe đọc các điều lệ hiện hành về tội mạn khai bộ tịch đối với người đứng xin, về tội ngụy chứng đối với các nhân chứng những người sau này đã tuyên thệ và xác nhận lời khai của người đứng xin rằng

HỒ-THỊ-MẠI con đầu (trai hay gái)

Quốc tịch Việt-Nam

sinh ngày tháng 1943 (II)

năm 1943 (II)

tại làng Quận IV, Tỉnh Hà-Tĩnh

và con của Ông HỒ-THỊ-NGÔ

và Bà Nguyễn-Thị-Tam Vợ chính

Người đứng xin khai thêm sáng hiện không thể xin sao lục ~~khai~~ khai
của HỒ-THỊ-MAI được vì lẽ hộ tịch nơi sinh
quán của y vì biên cô chiến tranh, ngoài kia Vy-tuyen.

Bởi vậy chúng tôi căn cứ theo lời khai trên và chiếu các điều 47 - 43
H. V. HỘ - LUẬT, lập chứng thư thế vì khai sinh này cấp cho đương sự
để tùy nghi xử dụng.

Những nhân chứng và người đứng xin có ký tên với chúng tôi và ông
Lục - Sự sau khi đọc lại.

LỤC - SỰ.

CHÁNH - AN.

Tran-Kiem-Mai

Ngô-Bút

NHÂN CHỨNG

NGƯỜI ĐỨNG XIN

1. Trà Ngụ Pháo

HỒ-THỊ-NGỘ

2. HỒ-Văn-Thảo

3. Lê-Thị-Chi

Trước bạ tại H. H.

Ngày 28 tháng 6 năm 1962

Quyển // tờ // số //

Thầu hiển-thứ 6.

TY TRƯỞNG

CHÍNH THẮT

S. H. H. H. H.

07. H. H. H. H. 1962

TRƯỞNG S. H.

or

Đ. B. B.

Đ. B. B.

L. H. H. H. H.

TỈNH QUẢNG-NGÃI
QUẬN THỊ-XÃ QUẢNG-NGÃI
XÃ CẨM-THÀNH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TRÍCH - LỤC

CHỨNG THU HÔN-THÚ

Số hiệu: 05

Tên họ người chồng NGUYỄN ĐÌNH DŨNG
Nghề-nghiệp Sĩ quan Không Quân
Sinh ngày 01 tháng 3 năm 1938
Tại Nam-Lộ, Xã Cẩm-Thành, Tỉnh Quảng-Ngãi
Cư sở tại -nt-
Tạm trú tại -nt-
Tên họ cha chồng sống chết phải nói) Nguyễn Đình Ba (sống)
Tên họ mẹ chồng (sống chết phải nói) Nguyễn Thị Huỳnh (sống)
Tên họ người vợ HO THỊ MẠI
Nghề-nghiệp Nữ Hộ Sinh Quốc-Gia
Sinh ngày 10 tháng 11 năm 1943
Tại Hà-Tĩnh
Cư trú tại Nam-Lộ, Xã Cẩm-Thành, Thị-Xã Quảng-Ngãi
Tạm trú tại -nt-
Tên họ cha vợ (sống chết phải nói) Hồ Hữu Hậu (chết)
Tên họ mẹ vợ (sống chết phải nói) Nguyễn Thị Tám (chết)
Ngày cưới HAI MƯƠI tháng MỘT năm MỘT NGÀN CHÍN TRAM
SÁU MƯƠI BẢY (20.01.1967)
Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế /
Ngày / tháng / năm /

Cẩm-Thành ngày 20 tháng 01 năm 1967

VỢ HỌ LẠI CHỒNG
Ký: Hồ Thị Mại Ký: Bùi Văn Huệ (đấu) Ký: Nguyễn Đình Dũng

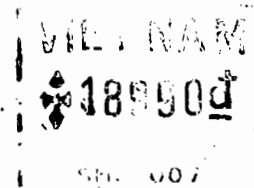
Cha mẹ chồng Nhân chứng
(hay giám-hộ)
Ký: Hồ Thị Ngộ Ký: Nguyễn Đình Ba Ký: Thái Đức Hoàn
Ký: Nguyễn Đức Hợi

PHUNG TRÍCH LỤC
Cẩm-Thành ngày 8 tháng 2 năm 1967
CHỦ-TỊCH



FROM: Ho Thi Mai
347 An duong Vuong
F 3 Q 5 HCM.

PAR AVION



MAY 29 1990



PAR AVION VIA AIR MAIL

TO: MRS KHUÊ MINH THO
P.O. BOX 5435
ARLINGTON VA 22205
0835.

USA



HOTIEN MAI
347 AN đường Vương
T3 65 HCM.

Saigon 30 / 6 / 90

Kính thưa Bà .

Xin cảm ơn Bà / lần nữa về sự
quan tâm của bà với gia đình tôi . Tôi đã
gửi thư và hồ sơ của tôi đến bà và quý họ
vào trung tuần tháng 5 .

Bây giờ tôi đã được Dịch vụ Xuất
cảnh VN. cấp hộ chiếu theo diện đoàn tụ (ODP)
với thân nhân nước ngoài đó là em trai
chồng tôi (John . F. Nuien 3322 Clair Ct # 18
Santa Clara , CA. 95051) . Riêng con trai tôi
(Nguyễn hồ đình Huân 8545 Columbus # 101
Sepulveda CA. 91343) chưa được vào quốc
tịch nên cháu chưa bảo lãnh được gia đình
chê' nên dù có hộ chiếu , không phải đến
thân nhân tức hệ bảo lãnh cũng khó lòng
được đoàn tụ .

Tôi có trình bày tường hợp của
chồng tôi nhưng dịch vụ từ chối ghi danh
sẵn cho tôi qua diện HO vì họ bảo là do
phía Mỹ không nhận những người chết
ngoại trai . Nhưng theo tôi nghĩ : người Mỹ
đủ thông minh và nhân đạo để chấp nhận
cho tường hợp của tôi nữa không cần cần
xét vì đó là sự thật bị đất nước thường :
chồng tôi đau đớn cả năm tung tãi , quơ
nặng ^{thai} vẫn đứng vững , có biết bao nhiêu
trường hợp như vậy chết trong trại ...
Sau đó tôi đã liều mạng cam đoan với
Bộ nội vụ họ mới yêu cầu tại Chuyin

chồng tôi ra Bệnh viện Bạch Mai ngay, lúc
vậy lần thứ nhất trái vẫn từ chối. Lần
yêu cầu thứ 2 hai nội chuyển chồng tôi
ra B/v. Bạch Mai, thấy chồng tôi đau đơ
quá nặng, bà Nội Vu yêu cầu gửi hồ sơ
chồng tôi để đi jông thết. Mười ngày
sau hai nội gửi ra sau khi đã xử cho
chồng tôi đang tôi... chết.

Hai ngày sau ông Cục trưởng cục
giám giữ kỷ nghi đình và cho cầu Công
an canl giữ chồng tôi cũng tôi cầm tay
nghi đình để vào hai lấy giấy jông thết
cho chồng tôi về Saigon. Bệnh viện Bạch
Mai cũng cho chuyển chồng tôi về Sơn
bằng máy bay, như thế đủ lẽ chồng
tôi nặng đến nước nào.

Kính thưa Bà, lần này tôi xin
gửi bản sao hồ chiếu của chúng tôi để xin
Bà vui lòng xin giúp về phía Mỹ có thẩm
quyền ghi danh sách cho chúng tôi được
vào diện Ho để được đoàn tụ nhanh chóng
và để cho cháu Huy sớm được chỗi bing.
Cũng để chúng tôi luôn luôn thấy ân lòng
vô từ ân Bà, Quý hội rõ những người
Mỹ luôn quan tâm, giúp đỡ vô từ ân
không những cho những tù nhân chính
trị tại VN. mà còn cả những người đã
chết và gia đình... (Hồ sơ của tôi tại Hải
Lan IV 242430)

Tôi xin luôn luôn nhớ ơn Bà
Quý hội vô đất nước Mỹ - Nơi mơ
thời thường vô lòng nhân đạo còn có
chỗ đứng...

Kính.
Mae
Ho Thi Mai

FROM: HO THI MAI
347 AN DUONG VUON
7305 HSA



VIET NAM
04860

JUL 2 4 1990



TO: BA KHUC MINH THO
P.O. BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-
0635
USA

PAR AVION VIA AIR MAIL



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N^o 16231/90 ĐC. - *hcm*

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

- 1 -

Họ tên.....THO MI MAI.....
Nom et prénoms

Ngày sinh.....10 11 1943.....
Date de naissance

Nơi sinh.....Hà Tĩnh.....
Lieu de naissance

Chỗ ở.....Thị trấn Minh.....
Domicile

Quốc tịch.....Việt Nam.....
Nationalité

Nghề nghiệp.....
Profession

Nhận dạng.....
Signalement

Chiều cao.....
Taille

Màu mắt.....
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt.....
Signes particuliers

- 2 -

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Thia

- 3 -

THỊ THỰC — VISAS
THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 16231 XC

Cấp cho Hồ Thị Mai

Cùng với 1 t. 3 em

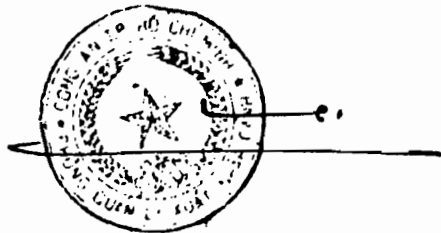
Đến nước Thụy Sĩ Quảng Đông Thiên hạ ky

Qua cửa khẩu Cầu Lộ Nhất

Trước ngày 07. 12. 1990

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 6 năm 1990.

CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Trưởng phòng



Moni Gui

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....
Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 07. 6. 1995.
IL expire le

trừ khi được gia hạn.
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại 9p 1101 ngày 07 tháng 6 năm 1990
Fait à le CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Trưởng phòng

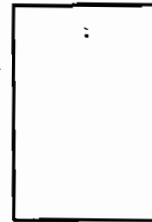
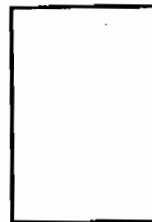


- 4 - *Minh Tri*

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénoms</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



- 5 -



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N° 16232 / 90 ĐC, - 10-7

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên NGUYỄN TÔ ĐÌNH TUYÊN
Nom et prénoms

Ngày sinh 14 8 1970
Date de naissance

Nơi sinh Thành phố
Lieu de naissance

Chỗ ở Tr. Hồ Chí Minh
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp
Profession

Nhận dạng Chiều cao
Signalement Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

- 2 -

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Tên

- 3 -

THỊ THỰC - VISAS
THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 16232.XC

Cấp cho Nguyễn Thị Đình Thụy

Cùng với Liệt Nam

Đến nước Tập đoàn Quốc tế ký

Qua cửa khẩu Cầu Sỏi nhất

Trước ngày 07 12 1990

TP. Hồ Chí Minh ngày 07 tháng 6 năm 1990.

CÔNG AN THÀNH HỒ CHÍ MINH
Trưởng phòng



Minh Sư

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....
Ce passeport est valable pour se rendre

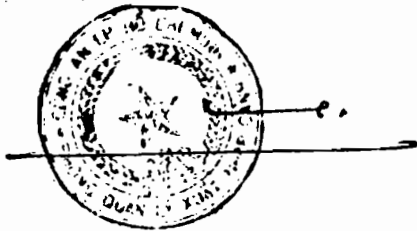
TẤT CẢ CÁC NƯỚC
À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 07. 6. 1965.

IL expire le

trừ khi được gia hạn:
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại 9/101 ngày 07 tháng 6 năm 1960
Fait à le CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Trưởng phòng

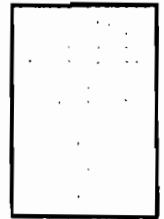
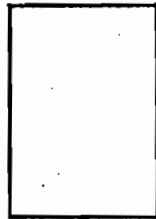
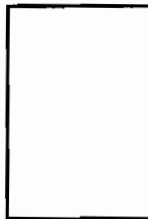


- 4 - *Phạm Văn*

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénoms</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



- 5 -